

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **88/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 29 - 7 - 2026

V/v “Ly hôn, tranh chấp
về con chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thái

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Mỹ Hạnh

Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Khánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân
Khu vực 4 Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:*** Bà Đoàn Thị Xuân Lành - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 231/2026/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1038/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/7/2026 giữa:

* Nguyên đơn: Bà **Lương Thị Kim C** - Sinh năm 1992 - Số Căn cước: 051192003745, ngày cấp: 12/8/2025 - Địa chỉ: KDC B, tổ dân phố C, thị trấn T, xã T, tỉnh Quảng Ngãi. *Có mặt*

* Bị đơn: Ông **Đặng Hữu T** - Sinh năm 1997 - Số CCCD: 048097001392, ngày cấp: 28/6/2022 - Địa chỉ: tổ C, phường H, thành phố Đà Nẵng. *Có mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa - Nguyên đơn là bà Lương Thị Kim C trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đặng Hữu T chung sống từ năm 2021 và đến năm 2022 thì tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn số 144, ngày cấp 16/12/2022). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại nhà chồng ở tổ C, phường H, thành phố Đà Nẵng. Quá trình chung sống, do vợ chồng thiếu tin tưởng lẫn nhau nên giữa bà C và ông T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông T

đã nhiều lần đánh đập bà C. Do mâu thuẫn trầm trọng nên năm 2025 cho đến nay cả hai đã sống ly thân mỗi người một nơi. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Lương Thị Kim C xác định hôn nhân không đạt được mục đích nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đặng Hữu T.

Về con chung: Bà Lương Thị Kim C xác định vợ chồng có một con chung là Đặng Hữu L, sinh ngày 22/01/2022. Ly hôn, bà C yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lương Thị Kim C xác định bà và ông Đặng Hữu T không có tài sản chung, không có nợ chung.

** Bị đơn là ông Đặng Hữu T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất như lời trình bày của bà Lương Thị Kim C về thời gian, điều kiện kết hôn và nơi chung sống của vợ chồng sau khi kết hôn. Ông T thừa nhận quá trình chung sống giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và ông có đánh đập bà C, nguyên nhân là do bà C ngoại tình và ông đã khuyên bảo nhiều lần nhưng bà C không chịu sửa đổi và bà C đã tự bỏ con đi sinh sống nơi khác từ năm 2025. Nay bà Lương Thị Kim C yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Ông Đặng Hữu T xác định ông và bà Lương Thị Kim C có một con chung là Đặng Hữu L - Sinh ngày 22/01/2022. Ly hôn, ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con, trường hợp giao cháu L cho bà C nuôi dưỡng thì ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đặng Hữu T xác định ông và bà Lương Thị Kim C không có tài sản chung, không có nợ chung.

** Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng:*

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thụ lý vụ án, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của đương sự, xác minh, thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 55, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 468 Bộ luật dân sự chấp nhận toàn bộ yêu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho bà Lương Thị Kim C ly hôn với ông Đặng Hữu T, giao con chung cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng, ông T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng; về tài sản chung và nợ chung các bên xác định không có nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:** Nguyên đơn bà Lương Thị Kim C khởi kiện về “Ly hôn và tranh chấp về nuôi dưỡng con chung” đối với bị đơn là ông Đặng Hữu T có địa chỉ cư trú tại tổ C, phường H, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Về nội dung vụ án:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Thị Kim C và ông Đặng Hữu T kết hôn vào năm 2022, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng (nay thuộc phường T, thành phố Đà Nẵng); hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Cả hai đã tuân thủ đầy đủ các quy định về kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay bà C và ông T thống nhất xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hôn nhân không đạt được mục đích và yêu cầu ly hôn. Xét yêu cầu của bà C và ông T thì thấy: tuy bà C và ông T không thống nhất về nguyên nhân dẫn đến phát sinh mâu thuẫn nhưng cả hai đều xác định giữa ông bà đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và sống riêng từ năm 2025 cho đến nay, điều này cũng phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương. Do vậy nguyện vọng ly hôn của bà C và ông T hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[2] Về quan hệ con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Lương Thị Kim C và ông Đặng Hữu T xác định ông bà có một con chung là Đặng Hữu L - Sinh ngày 22/01/2022, khi ly hôn cả hai đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Xét yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn thấy rằng: Cháu Đặng Hữu L chưa thành niên nên cần phải có người trực tiếp nuôi dưỡng khi các bên ly hôn. Nguyện vọng được nuôi con chung của bà C và ông T là chính đáng, nhưng việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần xem xét trên cơ sở lợi ích của con chung và các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy về điều kiện để nuôi con của bà C và ông L là như nhau, tuy nhiên hiện nay cháu L còn nhỏ cần có sự quan tâm chăm sóc trực tiếp của người mẹ, và thực tế cháu đang sinh sống cùng mẹ nên cần tiếp tục giao con cho bà C nuôi dưỡng là phù hợp, mà không thể thỏa mãn yêu cầu của ông T được.

Bà Lương Thị Kim C không yêu cầu ông Đặng Hữu T cấp dưỡng đối với

cháu Đặng Hữu L, tuy nhiên tại phiên tòa ông T đã tự nguyện cấp dưỡng 2.000.000đồng/tháng, xét sự tự nguyện của ông T là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần ghi nhận.

[3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn, bị đơn đều xác định ông bà không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa cơ bản phù hợp như nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[5] Về án phí: theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn là 300.000đồng, bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 55, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho bà Lương Thị Kim C và ông Đặng Hữu T ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Hữu L - Sinh ngày 22/01/2022 cho bà Lương Thị Kim C trực tiếp nuôi dưỡng, hàng tháng ông Đặng Hữu T cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu L thành niên.

Kể từ ngày bà Lương Thị Kim C có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Đặng Hữu T không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng ông T còn phải chịu tiền lãi đối với khoản tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Các bên vẫn có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung; vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Buộc bà Lương Thị Kim C phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà C đã nộp theo Biên lai thu số 0003221 ngày 06/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, bà C đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Buộc ông Đặng Hữu T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, và Điều 36, 72 Luật thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật này.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 4
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- UBND phường T1;
- Lưu hồ sơ vụ án



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Thái